

Số: 129 /BC-UBND

Bình Định, ngày 18 tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về công tác cán bộ đối với đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 - 2023

Kính gửi: Hội đồng Dân tộc Quốc hội

Thực hiện Công văn số 6131/HĐDT15 ngày 10/6/2024 của Hội đồng Dân tộc, Quốc hội khóa XV về việc chuẩn bị báo cáo với Đoàn Giám sát của Hội đồng Dân tộc; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính báo cáo kết quả thực hiện các chính sách, pháp luật về công tác cán bộ đối với đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 - 2023; cụ thể như sau:

Phần thứ nhất KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA ĐỊA PHƯƠNG

1. Điều kiện tự nhiên

Tỉnh Bình Định có diện tích tự nhiên 6.022,6 km², diện tích vùng lãnh hải: 36.000 km², lãnh thổ của tỉnh trải dài 110 km theo hướng Bắc - Nam. Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Ngãi, phía Nam giáp tỉnh Phú Yên, phía Tây giáp tỉnh Gia Lai, phía Đông giáp biển Đông với bờ biển dài 134 km. Tỉnh Bình Định có vị trí kinh tế đặc biệt quan trọng trong việc giao lưu với các quốc gia ở khu vực và quốc tế; nằm ở trung điểm của trục giao thông đường sắt và đường bộ Bắc - Nam Việt Nam, đồng thời là cửa ngõ ra biển Đông gần nhất và thuận lợi nhất của Tây Nguyên, Nam Lào, Đông Bắc Campuchia và Đông Bắc Thái Lan thông qua Quốc lộ 19 và cảng biển Quy Nhơn. Ngoài lợi thế này, Bình Định còn có nguồn tài nguyên tự nhiên và nguồn nhân lực khá dồi dào.

2. Tình hình kinh tế - xã hội

Năm 2023, mặc dù tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, song Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ và Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; cùng với đó là nỗ lực, cố gắng của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh, tình hình kinh tế - xã hội năm 2023 tiếp tục duy trì đà tăng trưởng và phát triển, đạt được kết quả ấn

tượng, khá toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực.

Trong số 19 chỉ tiêu chủ yếu về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2023, tỉnh Bình Định đạt và vượt kế hoạch 18 chỉ tiêu. Trong đó, tổng sản phẩm địa phương (GRDP) tăng 7,61%, vượt so với kế hoạch Hội đồng nhân dân tỉnh giao (7,0 – 7,5%) và xếp thứ 17/63 địa phương cả nước, thứ 06/14 địa phương vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ và thứ 1/5 địa phương khu vực kinh tế trọng điểm miền Trung. Tốc độ tăng trưởng kinh tế phục hồi tích cực, quý sau cao hơn quý trước (quý I tăng 5,61%, quý II tăng 6,97%, quý III tăng 8,15%, Quý IV tăng 9,19%).

Quy mô kinh tế của tỉnh đạt 117.668,8 tỷ đồng; xếp thứ 24/63 địa phương trong cả nước, thứ 5/14 địa phương vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ và thứ 3/5 địa phương khu vực kinh tế trọng điểm miền Trung. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực: Khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 26,38%, công nghiệp và xây dựng chiếm 30,39%, dịch vụ chiếm 38,9%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,33%. Nhờ vậy, đã góp phần cho tỉnh chủ động trong bố trí nguồn lực để thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động.

3. Khái quát về tình hình các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh

Dân số trung bình tỉnh Bình Định năm 2024 ước tính 1.506,3 nghìn người (trong đó, nam có 749 nghìn người, chiếm 49,7%, nữ có 757,3 nghìn người, chiếm 50,3%). Ngoài dân tộc kinh là đa số, thì còn có khoảng 43 nghìn người (tỷ lệ 2,71%) là dân tộc thiểu số, chủ yếu là Chăm, Bana, Hrê...

Dân số dân tộc thiểu số ở vùng miền núi khoảng 11.670 hộ. Hiện có 39 dân tộc thiểu số sinh sống, trong đó có 3 dân tộc chiếm số đông, với 9.300 hộ, 25.000 nhân khẩu cư trú lâu đời là Chăm, Bana và H'rê và một số dân tộc mới nhập cư khoảng 200 hộ, 800 khẩu như: Thổ, Thái, Tày, Pako, Nùng, Mường, Mnông.... Đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại 33 xã, thị trấn, tập trung tại các huyện miền núi (An Lão, Vân Canh, Vĩnh Thạnh) và trung du (Hoài Ân, Tây Sơn).

4. Về đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số

Tỉnh Bình Định hiện có **28** cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (gồm có 20 cơ quan chuyên môn, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và 07 đơn vị sự nghiệp công lập); **11** Ủy ban nhân dân cấp huyện (08 huyện, 02 thị xã, 01 thành phố); **159** xã, phường, thị trấn (116 xã, 32 phường, 11 thị trấn); 1.116 thôn, tổ dân phố.

Toàn tỉnh, có **30.927** cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã; trong đó có 750 cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã là người dân tộc thiểu số (cán bộ, công chức các cơ quan ở cấp tỉnh: **15/1.141** người, tỷ lệ 1,3%; cán bộ, công chức cấp huyện: **23/ 860** người, tỷ lệ 2,7%; cán bộ, công chức cấp xã: **281/3.121** người, tỷ lệ 9% và **431/25.805** viên chức đơn vị sự nghiệp công lập, tỷ lệ 1,67%¹).

¹ Viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 23.435 người và viên chức hưởng lương từ đơn vị sự nghiệp công lập: 2.370 người.

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh nói chung và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số bảo đảm phù hợp với cơ cấu tổ chức bộ máy các cơ quan trong hệ thống chính trị của tỉnh, có phẩm chất, đạo đức, bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ, năng lực, uy tín, kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong từng giai đoạn hiện nay và các năm tiếp theo.

Phần thứ hai

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI CÁN BỘ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật

1.1. Việc ban hành các văn bản, chính sách để tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về công tác cán bộ người dân tộc thiểu số thuộc trách nhiệm của chính quyền địa phương

Trong những năm qua, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung triển khai thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số, trong đó tập trung là Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ² và Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ³, bảo đảm phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế ở từng cơ quan, đơn vị, địa phương. Các chính sách ưu tiên trong tuyển dụng, sử dụng; quy hoạch; chuyển ngạch, nâng ngạch; xét, thi thăng hạng nâng ngạch; chính sách cử tuyển, tuyển sinh vào dự bị đại học; chính sách ưu tiên trong quy hoạch, bổ nhiệm đã được các cấp, các ngành thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã kịp thời ban hành các văn bản nhằm cụ thể hóa một số quy định, chính sách ưu tiên ở địa phương, đó là:

Quyết định số 59/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 và Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019⁴, quy định ngoài mức hỗ trợ hằng tháng theo quy định thì cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số được hỗ trợ thêm hệ số 0,2 lần mức lương cơ sở.

Quyết định số 71/2023/QĐ-UBND ngày 13/11/2023⁵, quy định đối tượng đào tạo đại học đối với cán bộ, công chức cấp xã là người dân tộc thiểu số hoặc công tác tại các xã miền núi, xã đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND ngày 20/6/2022⁶, quy định ưu tiên cán

² Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 về công tác dân tộc.

³ Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới.

⁴ Ban hành Chính sách trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo.

⁵ Ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bình Định.

⁶ Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và

bộ, công chức, viên chức và người lao động là người dân tộc thiểu số được ưu tiên trong xét nâng bậc lương trước thời hạn nếu nhiều cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ngang nhau về cấp độ thành tích ở chỉ tiêu cuối cùng.

Quyết định số 62/2022/QĐ-UBND ngày 17/9/2022⁷, quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số được điều động, luân chuyển, ngoài mức hỗ trợ chung của tỉnh, được hỗ trợ thêm 700.000 đồng/người/tháng.

Quyết định số 59/2020/QĐ-UBND ngày 28/8/2020⁸, quy định một số nội dung ưu tiên đối với người dân tộc thiểu số. Theo đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thể thực hiện tuyển dụng bằng hình thức xét tuyển công chức đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Người dân tộc thiểu số được cộng 5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2.

Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 17/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh⁹, quy định nội dung kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã phải xác định cụ thể số lượng vị trí việc làm cần tuyển đối với người dân tộc thiểu số (nếu có), trong đó xác định rõ chỉ tiêu, cơ cấu dân tộc cần tuyển.

(Thống kê theo Biểu số 01 đính kèm).

1.2. Đánh giá chung về công tác ban hành văn bản, chính sách

Công tác xây dựng, ban hành văn bản, chính sách có ý nghĩa quan trọng trong việc cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức dân tộc thiểu số và luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh. Các cơ quan, đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, đã chủ động tham mưu, đề xuất Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản, chính sách nhằm triển khai, cụ thể hóa các nhiệm vụ địa phương được giao quy định chi tiết trong các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương; quy định các chính sách, biện pháp nhằm đảm bảo thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương. Theo đó, việc lập đề nghị xây dựng chính sách, soạn thảo các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, việc đánh giá tác động của chính sách trên địa bàn tỉnh Bình Định nhìn chung đảm bảo thực hiện theo quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP của Chính phủ, quy trình và nội dung ban hành văn bản đảm bảo đúng quy định, có chất lượng, nội dung quy định phù hợp thực tiễn, có tính khả thi.

- Tồn tại, hạn chế: Bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật triển khai thực hiện các quy định các văn bản, chính

người lao động lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ ban hành kèm theo Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 29/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁷ Quy định mức hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức được luân chuyển, điều động trên địa bàn tỉnh.

⁸ Ban hành Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

⁹ Ban hành Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

sách vẫn còn tồn tại, hạn chế nhất định, như: số lượng ban hành còn hạn chế, chưa toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, chưa thường xuyên kiểm tra, rà soát và điều chỉnh, bổ sung...

2. Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện

2.1. Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật quy định đối với đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số

Căn cứ các văn bản của Trung ương về các chính sách, pháp luật quy định đối với đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức tuyên truyền, quán triệt đến cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý. Qua đó, đã góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên về quan điểm, mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số; vị trí, vai trò công tác cán bộ dân tộc thiểu số được nâng lên, trên cơ sở đó triển khai thực hiện chính sách đối với cán bộ người dân tộc thiểu số được quan tâm, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để cán bộ người dân tộc thiểu số được quy hoạch, luân chuyển học tập, rèn luyện, cống hiến, trưởng thành; phục vụ tốt công tác cán bộ trước mắt và tạo nguồn cho các nhiệm kỳ tiếp theo.

2.2. Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật đối với đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số

Trong những năm qua, việc nâng cao chất lượng cán bộ người dân tộc thiểu số luôn được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm. Đây là nhiệm vụ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc. Do đó, công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật đối với đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số luôn được quan tâm chú trọng. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tham mưu thực hiện các chính sách ưu tiên đối với cán bộ người dân tộc thiểu số như: công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ cũng đã nhấn mạnh việc phân đầu cơ cấu, tỷ lệ quy hoạch cấp ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp theo hướng yêu cầu tỷ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số phù hợp với từng địa bàn, lĩnh vực; tuyển dụng công chức, viên chức ưu tiên đối tượng dự tuyển là người dân tộc thiểu số; đào tạo bồi dưỡng...

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI ĐỘI NGŨ CÁN BỘ LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ

1. Công tác quy hoạch, bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm giữ chức vụ, chức danh đối với cán bộ là người dân tộc thiểu số trong các cơ quan nhà nước

- *Về công tác quy hoạch cán bộ người dân tộc thiểu số:* Công tác quy hoạch luôn được Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện theo đúng quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 01-KH/BCSD ngày 25/5/2022 thực hiện công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2026 - 2031, định kỳ hằng năm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo,

quản lý theo quy định. Các cấp ủy địa phương thực hiện công tác quy hoạch cán bộ bảo đảm theo đúng quy định; ưu tiên quy hoạch đối với cán bộ người dân tộc thiểu số bảo đảm phù hợp với số lượng, cơ cấu và nguồn cán bộ của từng địa phương.

- *Về tiêu chuẩn, cơ cấu:* Tiêu chuẩn cán bộ dân tộc thiểu số được thực hiện thống nhất với tiêu chuẩn cán bộ theo quy định của Đảng, trực tiếp là quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy¹⁰. Trên cơ sở đó, các cấp ủy địa phương cụ thể hóa phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương.

- *Chức danh, chức vụ được bầu:* Việc bố trí cán bộ người dân tộc thiểu số chủ yếu đối với các chức danh Trưởng ban, Phó Trưởng ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện An Lão, Vân Canh, Vĩnh Thạnh; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và một số chức danh cán bộ cấp xã ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh.

- *Quy trình, thủ tục ứng cử, đề cử, bầu cử:* Cấp ủy, chính quyền các cấp đã thực hiện nghiêm túc quy trình, thủ tục ứng cử, đề cử, bầu cử theo đúng quy định của Đảng và Nhà nước, bảo đảm quy trình về công tác cán bộ được thực hiện dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch. Phát huy vai trò, trách nhiệm của tập thể cấp ủy, lãnh đạo và cá nhân người đứng đầu trong công tác cán bộ; tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ người dân tộc thiểu số được ứng cử, đề cử, bầu cử theo quy định.

- *Kết quả cán bộ người DTTS đã được bầu cử:*

+ Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026: có 02/02 cán bộ chuyên trách là người dân tộc thiểu số (01 Trưởng ban và 01 Phó Trưởng ban). Cán bộ được bầu cử bảo đảm trình độ chuyên môn đại học và cao cấp lý luận chính trị.

+ Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các huyện An Lão, Vân Canh, Vĩnh Thạnh nhiệm kỳ 2021 - 2026: Tổng số có 03/12 (tỷ lệ 25%) cán bộ là người dân tộc thiểu số (01 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện An Lão, 01 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện An Lão và 01 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vân Canh).

Ngoài ra, tỷ lệ người dân tộc thiểu số trong cơ cấu đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026: cấp tỉnh có 04/57 người, tỷ lệ 7,02%; cấp huyện có 29/362, tỷ lệ 8,01%; cấp xã có 298/3.726 người, tỷ lệ 8%.

+ Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã nhiệm kỳ 2021 - 2026: Tổng số có 78/812 (tỷ lệ 9,6%) cán bộ là người dân tộc thiểu số (37 Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã, 44/480 Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã).

- *Công tác điều động, luân chuyển cán bộ người DTTS:* Công tác điều động, luân chuyển cán bộ là người dân tộc thiểu số được quan tâm, tạo điều kiện để cán

¹⁰ Quy định số 05-QĐ/TU ngày 07/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định tiêu chuẩn chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

bộ người dân tộc thiểu số tham gia giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý. Trong nhiệm kỳ 2021 - 2026, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã quyết định điều động, luân chuyển 02 cán bộ người dân tộc thiểu số để giới thiệu bầu giữ chức Trưởng ban, Phó Trưởng ban chuyên trách Hội đồng nhân dân tỉnh. Các cấp ủy, địa phương cũng đã quan tâm bố trí luân chuyển, điều động, tạo điều kiện để cán bộ người dân tộc được rèn luyện, thử thách trong thực tiễn và tạo nguồn cán bộ chủ chốt cho địa phương.

- *Về thực hiện Dự án 600*: Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Dự án thí điểm tuyển chọn 600 trí thức trẻ ưu tú, có trình độ đại học tăng cường về làm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã thuộc 62 huyện nghèo trong cả nước¹¹ (gọi tắt là Dự án 600) theo Quyết định số 170/QĐ-TTg ngày 26/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ, gắn với triển khai thực hiện Quyết định số 08/2011/QĐ-TTg ngày 26/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường cán bộ cho các xã thuộc huyện nghèo để thực hiện Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP. Đồng thời, Sở Nội vụ đã ban hành nhiều văn bản đề hướng dẫn, triển khai thực hiện việc tuyển chọn, bố trí và thực hiện chế độ, chính sách đối với đội viên Dự án. Kết quả, tỉnh Bình Định tuyển chọn được 20 đội viên bố trí làm Phó Chủ tịch 20 xã thuộc 03 huyện An Lão, Vân Canh, Vĩnh Thạnh¹², trong đó có 5 đội viên là người dân tộc thiểu số. Đội viên dự án đã phát huy được trình độ, phẩm chất, năng lực và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Kết thúc Dự án, có 19/19 đội viên được tuyển dụng, bố trí làm công chức cấp tỉnh, cấp huyện và cán bộ, công chức cấp xã. Trong đó, đối với 05 đội viên là người dân tộc thiểu số được quy hoạch vào cấp ủy đảng, các chức danh cán bộ chủ chốt các xã đến năm 2020 và một số đội viên tiếp tục được thực hiện quy hoạch cán bộ địa phương giai đoạn 2020 - 2025. Đến nay, đã bố trí 03 cán bộ cấp xã và 02 công chức cấp xã¹³.

- *Về thực hiện Đề án 500*: Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án thí điểm tuyển chọn trí thức trẻ tình nguyện về các xã tham gia phát triển nông thôn, miền núi giai đoạn 2013 - 2020 (sau đây gọi tắt là Đề án 500) theo Quyết định số 1758/QĐ-TTg ngày 30/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, Sở Nội vụ đã ban hành nhiều văn bản đề hướng dẫn, triển khai thực hiện việc tuyển chọn, bố trí và thực hiện chế độ, chính sách đối với đội viên Dự án. Kết quả, tỉnh Bình Định tuyển chọn được 15 đội viên bố trí làm công chức 15 xã đặc biệt khó khăn tại các huyện, thị xã thuộc tỉnh, trong đó có 03 đội viên là người dân tộc thiểu số. Đội viên dự án đã phát huy được trình độ, phẩm chất, năng lực và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đến nay, đã có 15/15 đội viên được tuyển dụng, bố trí làm công chức cấp tỉnh, cấp huyện và cán bộ, công chức cấp xã. Trong đó, đối với 03 đội viên là người dân tộc thiểu số được bố trí làm cán bộ,

¹¹ Quyết định số 2260/QĐ-UBND ngày 10/6/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Dự án thí điểm tuyển chọn 20 trí thức trẻ ưu tú, có trình độ đại học tăng cường về làm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã thuộc 03 huyện nghèo của tỉnh Bình Định.

¹² Huyện An Lão 08; huyện Vân Canh 05; huyện Vĩnh Thạnh 07.

¹³ Đinh Thị Diêu, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã An Dũng, huyện An Lão; Trần Thị Trang, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, Canh Hiệp, huyện Vân Canh; Đinh Khur, nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Kim, huyện Vĩnh Thạnh (được điều động về công tác Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Vĩnh Thạnh); Đinh Văn HLác, công chức Văn hóa - Xã hội Ủy ban nhân dân xã An Vinh, huyện An Lão; Đinh Trinh, công chức Văn phòng - Thông kê Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thạnh.

công chức cấp xã¹⁴.

(Thống kê theo Biểu số 03 đính kèm)

2. Công tác quy hoạch, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý đối với công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số

- Công tác quy hoạch, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý đối với công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số:

Về quy hoạch: Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện công tác quy hoạch cán bộ theo từng giai đoạn; đồng thời, hàng năm tiến hành rà soát quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn, số lượng, cơ cấu hợp lý, có tính kế thừa theo quy định Đảng và Nhà nước. Theo đó, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã phê duyệt quy hoạch lãnh đạo Ban Dân tộc nhiệm kỳ 2020 - 2025 và nhiệm kỳ 2026 - 2031 đối với 17 lượt cán bộ, công chức, trong đó có 10 cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số, đạt tỷ lệ 59% (nhiệm kỳ 2020 - 2025: có 6/9 lượt cán bộ, công chức, đạt tỷ lệ 67%; nhiệm kỳ 2026 -2031: có 4/8 lượt cán bộ, công chức, đạt tỷ lệ 50%).

Chức danh	Nhiệm kỳ 2020 - 2025		Nhiệm kỳ 2026 - 2031		Tổng cộng	
	Tổng số	Trong đó DTTS	Tổng số	Trong đó DTTS	Tổng	Trong đó DTTS
Trưởng ban	4	3	3	1	7	4
Phó Trưởng ban	5	3	5	3	10	6
Tổng cộng	9	6	8	4	17	10

Đối với Ban Dân tộc đã thực hiện quy hoạch lãnh đạo, quản lý cấp phòng:

- Về bổ nhiệm: Việc bổ nhiệm công chức lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số chủ yếu bố trí các chức danh Trưởng ban, Phó Trưởng ban Ban Dân tộc; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc Ban Dân tộc; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Phòng Dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân các huyện An Lão, Vân Canh, Vĩnh Thạnh.

- Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm: Các cấp, các ngành, địa phương đã thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của Trung ương và của tỉnh về thẩm quyền, quy trình, hồ sơ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại bảo đảm chặt chẽ, đúng quy định về tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, số lượng, độ tuổi theo quy định.

¹⁴ Đinh Hlong, công chức ĐC-NN-XD&MT xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh; Đinh Thị Dung, công chức VP-TK xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh; Thanh Thị Tuyên, công chức ĐC-NN-XD&MT xã Canh Liên, huyện Vân Canh.

- *Kết quả công tác bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý ở địa phương:*

Đối với Lãnh đạo Ban Dân tộc: Trong giai đoạn 2016 - 2023 đã bổ nhiệm 06 lượt công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý Ban Dân tộc, trong đó có 01 Trưởng ban và 01 Phó Trưởng ban là người dân tộc thiểu số. Đến nay, Lãnh đạo Ban Dân tộc có 01/03 lãnh đạo Ban (tỷ lệ 33%) là người dân tộc thiểu số, bảo đảm trình độ chuyên môn đại học, trình độ lý luận chính trị cao cấp theo quy định.

Đối với Lãnh đạo phòng thuộc Ban Dân tộc: Có 01 phó trưởng phòng/05 lãnh đạo phòng là người dân tộc thiểu số, tỷ lệ 20% và đã được quy hoạch chức danh trưởng phòng.

Đối với Lãnh đạo Phòng Dân tộc các huyện: Tổng số có 04/06 (tỷ lệ 67%) lãnh đạo là người dân tộc thiểu số (huyện An Lão có 01/02 lãnh đạo; huyện Vĩnh Thạnh có 02/02 lãnh đạo phòng, huyện Vân Canh có 01/02 lãnh đạo phòng)¹⁵.

Nhìn chung, công chức lãnh đạo Ban Dân tộc và các phòng chuyên môn thuộc Ban Dân tộc, Lãnh đạo Phòng Dân tộc các huyện có trình độ chuyên môn đại học trở lên, trình độ lý luận chính trị trung cấp, cao cấp theo quy định, có năng lực và đủ tiêu chuẩn phù hợp quy định của pháp luật được bổ nhiệm giữ chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý các cấp.

(Thống kê theo Biểu số 12 đính kèm)

3. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức dân tộc thiểu số

3.1. Giai đoạn 2016 - 2020: Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm của tỉnh luôn được Sở Nội vụ quan tâm, chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số, nhất là đối với cấp huyện, cấp xã. Đồng thời, đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chính sách trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, trong đó có chế độ, chính sách ưu tiên riêng đối với cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số được cử đi đào tạo¹⁶.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 4474/QĐ-UBND ngày 05/12/2016 phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2020. Kết quả: có 49.512 lượt cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng, trong đó có 1010 lượt cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã là người dân tộc thiểu số¹⁷. Có 11 lượt cán bộ, công chức¹⁸ là người dân tộc thiểu số được tham gia các lớp bồi dưỡng dành cho lãnh đạo cấp sở, cấp huyện, cấp phòng và quản lý nhà nước ngạch

¹⁵ Trưởng phòng Phòng Dân tộc huyện Vân Canh, huyện Vĩnh Thạnh; Phó Trưởng phòng Phòng Dân tộc huyện Vĩnh Thạnh, An Lão.

¹⁶ Học viên là người dân tộc thiểu số được hỗ trợ thêm 0,2 lần mức lương cơ sở/tháng.

¹⁷ Chuyên viên chính: 13 lượt người; chuyên viên: 237 lượt người; cán sự: 37 lượt người; công chức tập sự 25 lượt người; cán bộ cấp xã 302 lượt người; công chức cấp xã: 465 lượt người; người hoạt động không chuyên trách cấp xã: 63 lượt người.

¹⁸ Lãnh đạo cấp sở: 02 người; lãnh đạo cấp huyện: 04 người; lãnh đạo cấp phòng: 02 người; chuyên viên chính: 03 người.

chuyên viên chính; đã tiếp nhận và bàn giao hồ sơ 47 sinh viên tốt nghiệp đại học theo chế độ cử tuyển theo nhu cầu sử dụng của các địa phương.

Bên cạnh đó, thực hiện Chỉ thị số 38/2004/CT-TTg ngày 09/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ¹⁹, Sở Nội vụ đã tham mưu, tổ chức 03 lớp đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho 121 học viên²⁰ là cán bộ, công chức người kinh đang công tác tại các vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh. Thông qua chương trình đào tạo, bồi dưỡng đã giúp cho cán bộ, công chức hiểu biết tiếng dân tộc để giao tiếp và sử dụng trong công tác; thực hiện công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đóng góp thiết thực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại các vùng miền núi của tỉnh; đồng thời, góp phần phát huy, bảo tồn giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số của tỉnh nhà.

Thực hiện Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ²¹, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2018-2025, Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 23/3/2021 việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch thực hiện Đề án Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2018- 2020, Quyết định số 2038/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2021.

3.2. Giai đoạn 2021 - 2023: Quyết định số 4221/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh²², đã xác định mục tiêu đến năm 2025: 100% cán bộ, công chức người dân tộc kinh công tác tại vùng có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống sử dụng được ít nhất một thứ tiếng dân tộc tại địa bàn công tác.

- Công tác xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, là người dân tộc thiểu số trong các cơ quan nhà nước ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và viên chức là người dân tộc thiểu số trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong đó có cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số luôn được Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm, chú trọng thực hiện đúng quy định. Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn và các Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên

¹⁹ Chỉ thị số 38/2004/CT-TTg ngày 09/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức.

²⁰ Năm 2018: 02 lớp với 81 học viên (01 lớp tiếng Chăm cho 50 học viên tại huyện Vân Canh; 01 lớp tiếng Bana cho 31 học viên tại huyện Tây Sơn); năm 2019: 01 lớp tiếng H'rê cho 40 học viên tại huyện An Lão.

²¹ Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ²¹ phê duyệt Đề án “Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018-2025.

²² Ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2021 - 2025.

chức hằng năm như: bồi dưỡng chuẩn hóa theo tiêu chuẩn ngạch, chức danh, chức vụ, vị trí việc làm; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao tính tích cực, chú trọng việc tự bồi dưỡng, đáp ứng được các yêu cầu của vị trí việc làm và đổi mới căn bản, toàn diện phát triển của cán bộ, công chức, viên chức; đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Kết quả từ năm 2021 đến 2023, có 9 lượt cán bộ, công chức²³ là người dân tộc thiểu số được tham gia các lớp bồi dưỡng dành cho lãnh đạo cấp huyện, cấp phòng và quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính; bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức cấp huyện trở lên 3.013 lượt người, trong đó có 70 lượt người là dân tộc thiểu số; 100% cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ, công chức cấp xã là người dân tộc thiểu số có trình độ đào tạo đạt chuẩn theo yêu cầu của vị trí việc làm. Từ năm 2016 - 2020, Sở Nội vụ đã tham mưu, tổ chức 05 lớp đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho 214 học viên²⁴ là cán bộ, công chức người kinh đang công tác tại các vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh, đáp ứng yêu cầu hiểu biết tiếng dân tộc để giao tiếp và sử dụng trong công tác, triển khai tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, về phát triển kinh tế - xã hội đến người dân trong vùng dân tộc, làm cho người dân hiểu và tích cực hưởng ứng.

Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh luôn quan tâm, thực hiện chế độ, chính sách ưu tiên, hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng; ban hành một số chính sách đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số, trong đó chính sách hỗ trợ hằng tháng. Các cấp ủy, chính quyền các cấp đã quán triệt và thực hiện nghiêm túc các chế độ, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức nói chung và cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số nói riêng. Nhờ đó, đã tạo điều kiện và động lực để cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số tham gia học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và theo vị trí việc làm, góp phần xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số, nhất là ở cấp cơ sở.

- Kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số. (*Thống kê theo các biểu số 04, 05, 06, 07 đính kèm*)

3.3. Tình hình triển khai, kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ Tiêu dự án 2 "Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi" thuộc Dự án 5 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn năm 2021 đến năm 2025.

Thực hiện nội dung 01, Tiêu dự án 2 của Dự án 5 "Bồi dưỡng kiến thức dân tộc" thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn nghiêm túc triển

²³ Lãnh đạo cấp huyện: 04 người; lãnh đạo cấp phòng: 02 người; chuyên viên chính: 03 người.

²⁴ Năm 2018: 02 lớp với 81 học viên (01 lớp tiếng Chăm cho 50 học viên tại huyện Vân Canh; 01 lớp tiếng Bana cho 31 học viên tại huyện Tây Sơn); năm 2019: 01 lớp tiếng H'rê cho 40 học viên tại huyện An Lão.

khai thực hiện, kết quả như sau:

- Phối hợp với Học viện Dân tộc tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức dân tộc, tổng số 305 học viên:

+ Năm 2022: Đối tượng 4 với 175 học viên (03 lớp), đối tượng 3 với 57 học viên (01 lớp).

+ Năm 2023: Đối tượng 4 với 73 học viên (02 lớp).

- Trong năm 2023, tổ chức 07 lớp bồi dưỡng tiếng dân tộc tại các huyện Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão, Hoài Ân và Tây Sơn trong năm 2023 cho đối tượng 3 và đối tượng 4 với 266 học viên.

4. Tuyển dụng, sử dụng công chức là người dân tộc thiểu số

- *Về tuyển dụng công chức:* Trong giai đoạn 2016 - 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức 02 kỳ tuyển dụng công chức. Việc tuyển dụng được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ²⁵ và Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ²⁶. Trong đó, đã thực hiện một số chính sách ưu tiên đối với người dân tộc thiểu số, như: xét tuyển công chức đối với sinh viên người dân tộc thiểu số được Ủy ban nhân dân tỉnh cử đi học theo chế độ cử tuyển đã tốt nghiệp, đăng ký dự tuyển về công tác tại các cơ quan đóng trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố, nơi xét cử đi học; được cộng 20 điểm vào tổng số điểm thi tuyển hoặc xét tuyển (theo Nghị định số 24/2010/NĐ-CP), nay được cộng 5 điểm vào kết quả điểm vòng 2 (theo Nghị định số 138/2020/NĐ-CP); miễn thi ngoại ngữ, trong trường hợp dự tuyển vào công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số.

- *Chế độ, chính sách ưu tiên trong chuyển ngạch, nâng ngạch công chức:* Cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số công tác ở vùng dân tộc thiểu số khi dự thi nâng ngạch công chức được miễn thi ngoại ngữ theo quy định.

- *Kết quả tuyển dụng công chức là người dân tộc thiểu số:* Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức 02 kỳ tuyển dụng công chức hành chính với tổng số 398 công chức được tuyển dụng, trong đó có 07 công chức là người dân tộc thiểu số.

+ Kỳ tuyển dụng công chức năm 2018: tuyển dụng 278 công chức cấp tỉnh, huyện, trong đó có 05 công chức là dân tộc thiểu số (tuyển dụng theo hình thức xét tuyển: 04 người, thi tuyển: 01 người).

+ Năm 2019: tuyển dụng 120 công chức cấp tỉnh, huyện, trong đó có 02 công chức là dân tộc thiểu số.

(Tổng kê theo Biểu số 08, 09, 10)

5. Tuyển dụng, sử dụng viên chức người dân tộc thiểu số

- *Về tuyển dụng viên chức:* Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tuyển

²⁵ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

²⁶ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

dụng viên chức theo phân cấp quản lý và bảo đảm theo quy định tại Nghị định số 29/2010/NĐ-CP²⁷; Nghị định số 49/2015/NĐ-CP²⁸; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP²⁹ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ. Đã bước đầu xác định số lượng vị trí việc làm cần tuyển đối với người dân tộc thiểu số (Ủy ban nhân dân huyện An Lão); thực hiện xét tuyển đối với người dân tộc thiểu số được cử đi học theo chế độ cử tuyển (Sở Y tế). Đồng thời, đã thực hiện chính sách ưu tiên cộng điểm trong kết quả thi tuyển hoặc xét tuyển viên chức: được cộng 20 điểm vào tổng số điểm thi tuyển hoặc xét tuyển (theo Nghị định số 29/2012/NĐ-CP), nay được cộng 5 điểm vào kết quả điểm vòng 2 (theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP); miễn thi ngoại ngữ, trong trường hợp dự tuyển vào viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số.

- *Chế độ, chính sách ưu tiên trong thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức là người dân tộc:* Viên chức là người dân tộc thiểu số công tác ở vùng dân tộc thiểu số khi dự thi thăng hạng viên chức được miễn thi ngoại ngữ theo quy định.

- Kết quả tuyển dụng viên chức là người dân tộc thiểu số: Từ năm 2016 đến nay, các cơ quan, đơn vị địa phương đã tuyển dụng được 4.542 viên chức, trong đó có 115 viên chức là người dân tộc thiểu số; cụ thể như sau:

+ Năm 2016: tuyển dụng được 198 viên chức trong đó có 13 viên chức dân tộc thiểu số.

+ Năm 2017: tuyển dụng được 701 viên chức trong đó có 16 viên chức dân tộc thiểu số.

+ Năm 2018: tuyển dụng được 732 viên chức trong đó có 13 viên chức dân tộc thiểu số.

+ Năm 2019: tuyển dụng được 429 viên chức trong đó có 11 viên chức dân tộc thiểu số.

+ Năm 2020: tuyển dụng được 554 viên chức trong đó có 14 viên chức dân tộc thiểu số.

+ Năm 2021: tuyển dụng được 302 viên chức, trong đó 9 viên chức dân tộc thiểu số.

+ Năm 2022: tuyển dụng được 694 viên chức, trong đó 20 viên chức dân tộc thiểu số.

+ Năm 2023: tuyển dụng được 932 viên chức, trong đó 19 viên chức dân tộc thiểu số.

²⁷ Nghị định số 29/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

²⁸ Nghị định số 49/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của chính phủ quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

²⁹ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

6. Đánh giá kết quả nâng cao tỷ lệ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS theo quy định tại Tiểu mục 3 Mục II của Quyết định 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ

Cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số có tỷ lệ hợp lý: Ban Dân tộc tỉnh đã bố trí 1/3 lãnh đạo Ban (trên 30%) là người dân tộc thiểu số; Phòng Dân tộc tại các địa phương (huyện Vân Canh, huyện Vĩnh Thạnh, huyện An Lão) đều bố trí lãnh đạo phòng là người dân tộc thiểu số (trên 50%), công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất, đạo đức, có trình độ năng lực nghiệp vụ, từng bước củng cố, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

7. Chính sách tạo nguồn cán bộ dân tộc thiểu số

Căn cứ Nghị định số 134/2006/NĐ-CP quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các ngành, địa phương tích cực, nghiêm túc triển khai thực hiện chế độ cử tuyển và đạt được một số kết quả cụ thể như sau:

Đến năm 2023, có 118 người dân tộc thiểu số được cử đi học đại học theo chế độ cử tuyển (66 người dân tộc Hre, 44 người dân tộc Bana, 9 người dân tộc Chăm, 1 người dân tộc Thái, 1 người dân tộc Mường, 93 người đã được phân công, bố trí công việc sau khi đào tạo (công chức: 6 người, viên chức 87 người).

III. CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành, địa phương quán triệt, hướng dẫn, tổ chức thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra, giám sát; thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở việc thực hiện chính sách; chỉ đạo, ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản triển khai thực hiện đến các đơn vị, địa phương.

Công tác tuyển dụng, sử dụng, triển khai thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức nói chung, cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số nói riêng được thực hiện qua các cuộc thanh tra, kiểm tra định kỳ hàng năm, theo chuyên đề hoặc các cuộc thanh tra đột xuất của các cơ quan chuyên môn. Qua đó kịp thời nắm bắt, đánh giá thực trạng, chấn chỉnh, đưa các hoạt động đi vào nền nếp, ổn định, đúng quy định pháp luật, nâng cao hiệu quả quản lý, chất lượng hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước và các cơ sở giáo dục về chính sách dân tộc.

Phần thứ ba

ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương quán triệt, nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai, hướng dẫn, tổ chức thực hiện nghiêm túc, đảm bảo, đầy đủ, kịp thời đúng quy định các chính sách, pháp luật về công tác cán bộ người dân tộc thiểu số bao gồm tuyển dụng, sử dụng, bố trí, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm. Đặc biệt công chức, viên chức người dân tộc thiểu số, đang công tác tại các trường PTDTNT, chuyên biệt, vùng đồng bào dân tộc - miền núi được hưởng đầy đủ, đảm bảo các chính sách chung theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập; Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 23/01/2006 của Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ - Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập; Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ.

Cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số có tỷ lệ hợp lý, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất, đạo đức, có trình độ năng lực nghiệp vụ, từng bước củng cố, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Các chính sách của tỉnh đối với cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số, trong đó có chính sách đào tạo, bồi dưỡng đã góp phần động viên, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số nỗ lực phấn đấu, rèn luyện, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2. Tồn tại, hạn chế

- Số lượng, cơ cấu cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số ở các cơ quan, đơn vị, địa phương chiếm tỷ lệ thấp, không đồng đều.

- Một số địa phương chưa chủ động xây dựng kế hoạch, bố trí biên chế hợp lý để thực hiện việc tiếp nhận và tuyển dụng vào làm công chức, viên chức và công chức cấp xã theo quy định.

- Một số quy định về chính sách dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số của Chính phủ chưa được cụ thể hóa thành kế hoạch thực hiện hàng năm³⁰, nhất là đối với các địa phương có tỷ lệ người dân tộc thiểu số trên 5% tổng dân số của địa phương.

³⁰ Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc.

- Chưa có nhiều cơ chế, chính sách riêng đối với đội ngũ công chức, viên chức người dân tộc thiểu số do ngân sách của địa phương còn khó khăn. Một số quy định tại Nghị định số 05/2011/NĐ-CP về chế độ, chính sách cho người học, quy định về tiếp nhận và phân công công tác chế độ cử tuyển... chưa đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của các Luật chuyên ngành (Luật Giáo dục, Luật Giáo dục nghề nghiệp, Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức...) còn khó khăn trong việc triển khai thực hiện.

Phần thứ tư **GIẢI PHÁP, ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

I. GIẢI PHÁP NÂNG CAO SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA ĐỊA PHƯƠNG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

1. Đảm bảo tuyệt đối sự lãnh đạo của Đảng; trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; sự tham gia giám sát của các tổ chức đoàn thể và đội ngũ công chức, viên chức trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác cán bộ người dân tộc thiểu số.

2. Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, dân chủ, công khai, minh bạch trong công tác quản trị, quản lý, điều hành cơ quan, đơn vị; phát huy sức mạnh, sáng tạo, năng lực, sở trường, tinh thần đoàn kết của đội ngũ công chức, viên chức trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác cán bộ người dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, chương trình, kế hoạch hoạt động gắn với việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác cán bộ người dân tộc thiểu số để phát huy tiềm năng, trí tuệ của đội ngũ công chức, viên chức và người lao động.

3. Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị, trình độ chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số theo tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm.

4. Tăng cường công tác đôn đốc, nhắc nhở, kiểm tra, giám sát nhằm đánh giá được thực trạng tình hình, kịp thời đưa ra các giải pháp để các hoạt động đi vào nền nếp, ổn định, đúng pháp luật.

5. Sơ kết, tổng kết tình hình triển khai thực hiện và kết quả đạt được, đúc kết, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn, xây dựng phương hướng, nhiệm vụ phù hợp với thực tế, giai đoạn; nhân rộng điển hình các tập thể, cơ quan, đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc đồng thời nghiêm túc phê bình những trường hợp thực hiện không hiệu quả, không đúng quy định.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Kính đề nghị Bộ Nội vụ nghiên cứu, báo cáo Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách đối với vùng dân tộc thiểu số để khuyến khích, thu hút lực lượng trẻ,

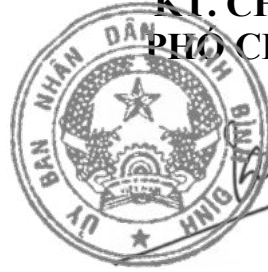
cán bộ khoa học kỹ thuật về công tác tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi; có chính sách ưu tiên phù hợp trong đào tạo nhân lực và sử dụng cán bộ, đào tạo cán bộ nguồn cho các cấp chính quyền là con em các dân tộc thiểu số.

Trên đây là Báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác cán bộ đối với đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2023 tại tỉnh Bình Định, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính báo cáo Hội đồng Dân tộc, Quốc hội khoá XV xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Hội đồng Dân tộc, Quốc hội khoá XV;
- Bộ Nội vụ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- UBND các huyện: VC, VT, AL, HA, TS, PC;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K3, K12.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Biểu số 01

Đơn vị báo cáo: UBND tỉnh Bình Định

**THỐNG KÊ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN
CÔNG TÁC CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC LÀ NGƯỜI DÂN TỘC
THiểu SỐ GIAI ĐOẠN 2016 - 2023
(Còn hiệu lực tính đến tháng 12/2023)**

STT	Số hiệu, tên và trích yếu nội dung	Năm ban hành	Thẩm quyền ban hành
I	VĂN BẢN TỈNH ỦY		
II	VĂN BẢN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH		
1	Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII kỳ họp thứ 9 về Quy định chính sách trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo	2019	Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 – 2025	2022	Hội đồng nhân dân tỉnh
3	Nghị quyết số 39/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định thông qua Quy định một số chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Định	2022	Hội đồng nhân dân tỉnh
III	VĂN BẢN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH		
1	Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 Ban hành Chính sách trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo	2019	Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ ban hành kèm theo Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 29/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.	2022	Ủy ban nhân dân tỉnh

3	Quyết định số 47/2022/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 – 2024	2022	Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ ban hành kèm theo Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 29/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.	2022	Ủy ban nhân dân tỉnh
5	Quyết định số 62/2022/QĐ-UBND ngày 17/9/2022 Ban hành Quy định mức hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức được luân chuyển, điều động trên địa bàn tỉnh Bình Định	2022	
6	Quyết định số 71/2023/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 về việc ban hành quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bình Định	2023	Ủy ban nhân dân tỉnh

Ghi chú: Văn bản của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, không thống kê văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến bổ nhiệm chức danh lãnh đạo của cá nhân.

Biểu số 03

Đơn vị báo cáo: UBND tỉnh Bình Định

SỐ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
Nhiệm kỳ 2021 -2026

Đơn vị tính: Người; Tỷ lệ %

	Tổng số đại biểu HĐND			Cấp tỉnh			Cấp huyện			Cấp xã		
	Tổng số	Trong đó: người DTTS	Tỷ lệ người DTTS là đại biểu HĐND	Tổng số	Trong đó: người DTTS	Tỷ lệ người DTTS là đại biểu HĐND cấp tỉnh	Tổng số	Trong đó: người DTTS	Tỷ lệ người DTTS là đại biểu HĐND cấp huyện	Tổng số	Trong đó: người DTTS	Tỷ lệ người DTTS là đại biểu HĐND cấp xã
	1 = 4+7+10	2	3 =2/1	4	5	6 = 5/4	7	8	9 = 8/7	10	11	12 = 11/10
Tổng số	3963	327	8,25	55	4	7,27	349	27	7,74	3559	296	8,32
1. Chia theo trình độ học vấn												
- Tiểu học	13	4	30,77							13	4	30,77
- Trung học cơ sở	519	34	6,55				1	0	0,00	518	34	6,56
- Trung học phổ thông	404	27	6,68	1	0	0,00				403	27	6,70
- Sơ cấp	93	4	4,30							93	4	4,30
- Trung cấp	323	51	15,79				4	2	50,00	319	49	15,36
- Cao đẳng	62	6	9,68							62	6	9,68
- Đại học	2370	195	8,23	22	4	18,18	263	20	7,60	2085	171	8,20
- Thạc sĩ	174	6	3,45	29	0	0,00	79	5	6,33	66	1	1,52
- Tiến sĩ	5	0	0,00	3	0	0,00	2	0	0,00			
2. Chia theo trình độ lý luận chính trị												
- Sơ cấp	624	58	9,29	2	0	0,00	2	0	0	620	58	9,35
- Trung cấp	2162	175	8,09	3	0	0,00	128	7	5,47	2031	168	8,27

- Cao cấp	383	50	13,05	46	4	8,70	199	20	10,05	138	26	18,84
- Đại học	18	0	0,00	4	0	0,00	13	0	0,00	1	0	0,00
3. Trong đó:												
- Đảng viên	3748	320	8,54	53	4	7,55	345	27	7,83	3350	289	8,63
- Nữ	951	69	7,26	15	0	0,00	94	5	5,32	842	64	7,60
4. Chia theo chức vụ trong HĐND												
- Chủ tịch HĐND	164	19	11,59	1	0	0,00	10	1	10,00	153	18	11,76
- Phó chủ tịch HĐND	168	14	8,33	2	0	0,00	11	1	9,09	155	13	8,39
- Trưởng ban, Phó Trưởng ban HĐND và tương đương	616	42	6,82	8	2	25,00	37	2	5,41	571	38	6,65
- Các thành viên khác của HĐND	3015	252	8,36	44	2	4,55	291	23	7,90	2680	227	8,47

Biểu số 04

Đơn vị Báo cáo: UBND tỉnh Bình Định

THỐNG KÊ
SỐ LIỆU CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP HUYỆN TRỞ LÊN NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ
ĐƯỢC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016 – 2023

Đơn vị tính: Số lượt; Kinh phí: Triệu

	Tổng số	Cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý								Công chức các ngạch								
		Cấp tỉnh và tương đương		Cấp sở và tương đương		Cấp huyện và tương đương		Cấp phòng và tương đương		Chuyên viên cao cấp		Chuyên viên chính		Chuyên viên		Cán sự		Nhân
		Tổng số	DTTS	Tổng số	DTTS	Tổng số	DTTS	Tổng số	DTTS	Tổng số	DTTS	Tổng số	DTTS	Tổng số	DTTS	Tổng số	DTTS	Tổng số
I. Số lượt cán bộ, công chức cấp huyện trở lên được đào tạo, bồi dưỡng trong nước	10678	1	0	145	2	245	16	1963	71	14	0	657	9	6459	41	239	2	955
1. Quốc phòng An ninh	2986	1	0	43	1	134	0	502	6	4	0	123	1	1218	8	24	2	937
- Đối tượng 1	2	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Đối tượng 2	144	0	0	35	1	62	0	12	1	4	0	27	0	4	0	0	0	0
- Đối tượng 3 và tương đương	667	0	0	8	0	68	0	398	2	0	0	70	0	123	0	0	0	0
- Đối tượng 4 và tương đương	2173	0	0	0	0	3	0	92	3	0	0	26	1	1091	8	24	2	937
2. Chuyên môn	317	0	0	9	1	6	2	115	11	1	0	41	1	112	0	31	0	2
- Tiến sĩ	6	0	0	2	0	0	0	3	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0
- Thạc sĩ	226	0	0	7	1	5	1	102	10	1	0	38	1	71	0	2	0	0
- Đại học	81	0	0	0	0	1	1	10	1	0	0	2	0	41	0	27	0	0
- Cao đẳng	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0

- Trung cấp	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	2
3. Lý luận chính trị	1066	0	0	4	0	0	0	119	3	0	0	59	0	772	2	112	0	0
- Cao cấp	405	0	0	23	0	9	0	240	2	3	0	59	0	71	1	0	0	0
- Trung cấp	919	0	0	4	0	0	0	109	3	0	0	56	0	649	2	101	0	0
- Sơ cấp	147	0	0	0	0	0	0	10	0	0	0	3	0	123	0	11	0	0
4. Kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước	1448	0	0	43	0	17	9	289	3	1	0	102	1	960	13	36	0	0
- Chuyên viên cao cấp và tương đương	26	0	0	21	0	1	0	0	0	1	0	2	0	1	0	0	0	0
- Chuyên viên chính và tương đương	591	0	0	21	0	14	9	189	3	0	0	100	1	267	2	0	0	0
- Chuyên viên và tương đương	831	0	0	1	0	2	0	100	0	0	0	0	0	692	11	36	0	0
5. Theo yêu cầu vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	888	0	0	34	0	48	2	523	30	5	0	96	1	182	1	0	0	0
- Cấp Sở	276	0	0	34	0	0	0	209	11	3	0	17	0	13	0	0	0	0
- Cấp huyện	62	0	0	0	0	41	2	7	2	1	0	8	0	5	0	0	0	0
- Cấp phòng	550	0	0	0	0	7	0	307	17	1	0	71	1	164	1	0	0	0
6. Theo yêu cầu vị trí việc làm công chức	3973	0	0	12	0	40	3	415	18	3	0	236	5	3215	17	36	0	16
- Nghiệp vụ chung	859	0	0	9	0	40	3	233	16	2	0	163	1	401	7	6	0	5

- Nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	2810	0	0	3	0	0	0	64	2	1	0	57	4	2677	10	4	0	4
- Hỗ trợ, phục vụ	304	0	0	0	0	0	0	118	0	0	0	16	0	137	0	26	0	7

h

êu đồng

viên

DTTS

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0

0
0

Biểu số 05

Đơn vị Báo cáo: UBND tỉnh Bình Định

THỐNG KÊ
SỐ LIỆU CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ ĐƯỢC
ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016 – 2023

Đơn vị tính: Người; Kinh phí: Triệu đồng

	Tổng số	Cán bộ, công chức cấp xã			
		Cán bộ cấp xã		Công chức cấp xã	
		Tổng số	DTTS	Tổng số	DTTS
1	2 = 3+5	3	4	5	6
I. Số lượt cán bộ, công chức cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng trong nước	11371	3517	463	7854	809
1. Quốc phòng An ninh	3877	1228	198	2649	353
- Đối tượng 1	0	0	0	0	0
- Đối tượng 2	4	4	0	0	0
- Đối tượng 3 và tương đương	656	591	27	65	6
- Đối tượng 4 và tương đương	3217	633	171	2584	347
2. Chuyên môn	689	365	63	324	43
- Tiến sĩ	0	0	0	0	0
- Thạc sĩ	64	50	3	14	0
- Đại học	571	283	40	288	29
- Cao đẳng	8	0	0	8	0
- Trung cấp	46	32	20	14	14
3. Lý luận chính trị	1650	444	56	1206	196
- Cao cấp	156	156	28	0	0
- Trung cấp	1161	286	28	875	105
- Sơ cấp	333	2	0	331	91
4. Kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước	1277	621	48	656	81

- Chuyên viên chính	10	7	1	3	1
- Chuyên viên	1267	614	47	653	80
5. Theo tiêu chuẩn chức vụ cán bộ cấp xã	803	803	98	0	0
6. Theo tiêu chuẩn chức danh công chức cấp xã	1772	0	0	1772	234
7. Theo yêu cầu vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	690	502	46	188	95
8. Theo yêu cầu vị trí việc làm công chức	3075	56	0	3019	136

Biểu số 06

Đơn vị Báo cáo: UBND tỉnh Bình Định

THỐNG KÊ
SỐ LƯỢNG VIÊN CHỨC LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ ĐƯỢC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG TRONG NƯỚC
GIẢI ĐOẠN 2016 - 2023

Đơn vị tính: Người; Kinh phí: Triệu đồng

	Tổng số	Trong đó			
		Viên chức giữ chức vụ quản lý		Viên chức không giữ chức vụ quản lý	
		Tổng số	DTTS	Tổng số	DTTS
1	2=3+5	3	4	5	6
I. Số lượt viên chức được đào tạo, bồi dưỡng trong nước	40626	4713	20	35913	417
1. Quốc phòng An ninh	10087	1671	7	8416	57
- Đối tượng 1	0	0	0	0	0
- Đối tượng 2	5	5	0	0	0
- Đối tượng 3 và tương đương	871	859	6	12	0
- Đối tượng 4 và tương đương	9211	807	1	8404	57
2. Chuyên môn	4433	487	2	3946	27
- Tiến sĩ	88	30	0	58	0
- Thạc sĩ	1330	305	2	1025	3
- Đại học	2299	152	0	2147	22
- Cao đẳng	704	0	0	704	2
- Trung cấp	12	0	0	12	0
3. Lý luận chính trị	3911	1253	2	2658	43
- Cao cấp	992	191	1	801	5

- Trung cấp	1995	976	1	1019	23
- Sơ cấp	924	86	0	838	15
4. Theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành	18430	917	5	17513	209
5. Theo yêu cầu vị trí việc làm viên chức	3765	385	4	3380	81

Biểu số 08

Đơn vị Báo cáo: UBND tỉnh Bình Định

THÔNG KÊ
SỐ LIỆU CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ GIAI ĐOẠN 2016 - 2023

Đơn vị tính: Người; Tỷ lệ %

Cán bộ, công chức, viên chức	Năm 2016			Năm 2023			Tăng (+) (năm 2023 so với năm 2016)		
	Tổng số	Dân tộc thiểu số	Tỷ lệ người DTTS	Tổng số	Dân tộc thiểu số	Tỷ lệ người DTTS	Tổng số	Dân tộc thiểu số	Tỷ lệ người DTTS
1	2	3	4 = 3/2	5	6	7 = 6/5	8	9	10 = 9/8
Tổng số cán bộ, công chức, viên chức toàn tỉnh	29676	669	2,25	29557	755	2,55	-119	86	-72
Trong đó:									
- Cán bộ, công chức cấp tỉnh	1247	10	0,80	1141	15	1,31	-106	5	-5
- Cán bộ, công chức cấp huyện	877	24	2,74	860	23	2,67	-17	-1	6
- Cán bộ, công chức cấp xã	3106	319	10,27	3121	286	9,16	15	-33	-220
- Viên chức	24446	316	1,29	24435	431	1,76	-11	115	-1045,45

+ Đại học trở lên	120	140	1	0	0,00	119	0	0,00	0	0		140	0	0,00	0,00			1,18		
+ Trình độ khác	1.961	917	48	2	4,17	1.913	34	1,78	62	5	8,06	855	33	3,86	1,29	2,50	1,94	0,45	0,97	2,17
- Ngoại ngữ khác																				
+ Đại học trở lên	5	3	0	0		5	0	0,00	0	0		3	0	0,00				0,60		
+ Trình độ khác	82	5	0	0		82	0	0,00	0	0		5	33	660,00				0,06		
5. Tiếng dân tộc																				
- Có chứng chỉ	74	115	4	0	0,00	70	0	0,00				115			0,00			1,64		
- Sử dụng giao tiếp được	108	153	4	2	50,00	104	34	32,69	5	5	100,00	148	33	22,30	1,25	2,50	2,00	1,42	0,97	0,68
6. Chia theo trình độ tin học																				
- Đại học trở lên		91	0	0		0	0					91	0	0,00						
- Trung cấp, cao đẳng	131	33	0	0		131	0	0,00				33	0	0,00				0,25		
- Chứng chỉ	1.974	1.834	49	2	4,08	1.925	34	1,77	62	55	88,71	1.772	13	0,73	1,27	27,50	21,73	0,92	0,38	0,42
7. Chia theo trình độ lý luận chính trị																				
- Sơ cấp	558	600	0	0		558	0	0,00	0	0		600	21	3,50				1,08		
- Trung cấp	581	806	6	1	16,67	575	7	1,22	0	0		806	7	0,87	0,00	0,00		1,40	1,00	0,71
- Cao cấp	392	557	40	1	2,50	352	2	0,57	62	5	8,06	495	5	1,01	1,55	5,00	3,23	1,41	2,50	1,78
- Đại học	28	12	3	0	0,00	25	0	0,00	0	0		12	0	0,00	0,00			0,48		

Biểu số 10

Đơn vị Báo cáo: UBND tỉnh Bình Định

THỐNG KÊ
SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC TỪ CẤP XÃ LÀ NGƯỜI DÂN TỘC GIAI ĐOẠN 2016 - 2023

Đơn vị tính: Người; Tỷ lệ %

Nội dung	Tổng số CB, CC		Năm 2016						Năm 2023						Tăng (+) (năm 2023 so với năm 2016)					
	Năm 2016	Năm 2023	Cán bộ			Công chức			Cán bộ			Công chức			Cán bộ			Công chức		
			Tổng số	DTTS	Tỷ lệ cán bộ DTTS	Tổng số	DTTS	Tỷ lệ công chức DTTS	Tổng số	DTTS	Tỷ lệ cán bộ DTTS	Tổng số	DTTS	Tỷ lệ công chức DTTS	Tổng số	DTTS	Tỷ lệ cán bộ DTTS	Tổng số	DTTS	Tỷ lệ công chức DTTS
1	2 = 4+7	3 = 10+13	4	5	6=5/4	7	8	9=8/7	10	11	12=11/10	13	14	15=14/13	16=10/4	17=11/5	18=17/16	19=13/7	20=14/8	21=20/19
Tổng số CB, CC	3106	3121	1630	188	11,53	1476	131	8,88	1654	178	10,76	1467	108	7,36	24	-10	-41,67	-9	-23	255,56
1. Trong đó:																				
- Đảng viên	2945	3050	1630	188	11,53	1315	123	9,35	1654	178	10,76	1396	103	7,38	24	-10	-41,67	81	-20	-24,69
- Nữ	708	938	306	32	10,46	402	27	6,72	419	44	10,50	519	30	5,78	113	12	10,62	117	3	2,56
2. Chia theo ngạch công chức																				
- Nhân viên	1527	265	771	96	12,45	756	60	7,94	96	29	30,21	169	27	15,98	-675	-67	9,93	-587	-33	5,62
- Cán sự	70	21	31	13	41,94	39	9	23,08	8	1	12,50	13	0	0,00	-23	-12	52,17	-26	-9	34,62
- Chuyên viên	1509	2796	828	79	9,54	681	62	9,10	1511	148	9,79	1285	81	6,30	683	69	10,10	604	19	3,15
- Chuyên viên chính	0	39	0	0		0	0		39	6	15,38	0	0		39	6	15,38	0	0	
3. Chia theo trình độ học vấn																				
- Tiểu học	146	0	99	32	32,32	47	12	25,53	0	0		0	0		-99	-32	32,32	-47	-12	25,53
- Trung học cơ sở	121	0	107	41	38,32	14	8	57,14	0	0		0	0		-107	-41	38,32	-14	-8	57,14
- Trung học phổ thông	47	8	29	8	27,59	18	5	27,78	8	0	0,00	0	0		-21	-8	38,10	-18	-5	27,78
- Trung cấp	1206	257	529	55	10,40	677	53	7,83	88	29	32,95	169	27	15,98	-441	-26	5,90	-508	-26	5,12
- Cao đẳng	70	21	31	2	6,45	39	3	7,69	8	1	12,50	13	0	0,00	-23	-1	4,35	-26	-3	11,54
- Đại học	1499	2708	821	46	5,60	678	50	7,37	1456	143	9,82	1252	81	6,47	635	97	15,28	574	31	5,40
- Thạc sĩ	10	126	7	1	14,29	3	0	0,00	93	5	5,38	33	0	0,00	86	4	4,65	30	0	0,00
- Tiến sĩ	0	1	0	0		0	0		1	0	0,00	0	0		1	0	0,00	0	0	

+ Đại học trở lên	3248	5	0,15	1420	8	0,56	-1828	3	-0,16
+ Trình độ khác	18579	155	0,83	21343	162	0,76	2764	7	0,25
- Ngoại ngữ khác		1			2			1	
+ Đại học trở lên	154	0	0,00	13	0	0,00	-141	0	0,00
+ Trình độ khác	899	29	3,23	659	91	13,81	-240	62	-25,83
- Tiếng dân tộc							0	0	
+ Có chứng chỉ		0		251	1	0,40	251	1	0,40
+ Sử dụng giao tiếp được	316	260	82,28	194	335	172,68	-122	75	-61,48
4. Chia theo trình độ tin học	24504	212	0,87		369		-24504	157	-0,64
- Đại học trở lên		1			2		0	1	
- Trung cấp, cao đẳng	2997	5	0,17	1141	7	0,61	-1856	2	-0,11
- Chứng chỉ	21507	206	0,96	22026	360	1,63	519	154	29,67
5. Chia theo trình độ lý luận chính trị								0	
- Sơ cấp	6387	52	0,81	13089	96	0,73	6702	44	0,66
- Trung cấp	1886	33	1,75	2381	70	2,94	495	37	7,47
- Cao cấp	248	6	2,42	140	6	4,29	-108	0	0,00
- Đại học	30	0	0,00	3	0	0,00	-27	0	0,00

- Trung cấp	819	54	6,59	112	2	1,79	88		0,00	619	52	8,40
- Cao cấp	628	37	5,89	226	1	0,44	274	11	4,01	128	25	19,53
- Đại học				15		0,00	8		0,00			
3. Trong đó:	1738	106	6,10	432	3	0,69	429	14	3,26	877	89	10,15
- Đảng viên	1470	91	6,19	353	3	0,85	370	11	2,97	747	77	10,31
- Nữ	268	15	5,60	79		0,00	59	3	5,08	130	12	9,23
4. Chia theo chức vụ	1470	90	6,12	353	2	0,57	0	11		747	77	
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân các cấp	332	37	11,14	3		0,00	21	2	9,52	308	35	11,36
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp	480	44	9,17	4		0,00	37	2	5,41	439	42	9,57
- Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và tương đương	76	2	2,63	76	2	2,63	0					
- Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng các phòng chuyên môn và tương đương	582	7	1,20	270		0,00	312	7	2,24			